

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NỀN HÀNH CHÍNH CÔNG THEO TÌNH THẦN ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

TRƯƠNG THỊ THU HIỀN*

Bài viết nghiên cứu hệ thống các giải pháp nhằm phát triển nền hành chính công Việt Nam đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên vươn mình của dân tộc theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng. Bằng phương pháp tổng quan tài liệu và phân tích nội dung chính sách, bài viết chọn lọc 4 lăng kính lý thuyết hành chính công hiện đại làm cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng, đề xuất các giải pháp nhằm cụ thể hóa đột phá thể chế, tạo động lực cho phát triển bền vững của quốc gia.

Từ khóa: Hành chính công; quản trị số; đồng kiến tạo; quản trị thích ứng; chính phủ linh hoạt.

This article examines a set of solutions for developing Vietnam's public administration to meet the requirements of the nation's era of advancement in the spirit of the 14th National Party Congress. Using literature review and policy content analysis methods, the study selects four theoretical perspectives of modern public administration as the basis for analyzing and assessing the current situation and proposing solutions to concretize institutional breakthroughs and create momentum for the country's sustainable development.

Keywords: Public administration; digital governance; co-creation; adaptive governance; agile government.

NGÀY NHẬN: 09/6/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 16/7/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 17/8/2026

Email: hienttt@due.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.368.2026.1597>

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh thế giới đang trải qua những biến động to lớn, nền hành chính công toàn cầu đang đứng trước một bước ngoặt mang tính lịch sử. Sự bùng nổ của cách mạng công nghiệp 4.0 cùng các thách thức an ninh phi truyền thống trong môi trường VUCA (biến động, bất định, phức tạp và mơ hồ) đã khiến các mô hình quản lý truyền thống bộc lộ nhiều hạn chế. Điều này thúc đẩy sự dịch chuyển tất yếu từ tư duy quản lý nhà nước đơn thuần sang tư duy quản trị quốc gia hiện đại, linh hoạt và lấy giá trị công làm trung tâm.

Ở Việt Nam, kế thừa và phát triển đất nước

sau 40 năm Đổi mới, Văn kiện Đại hội XIV của Đảng xác định đột phá về thể chế phát triển là “đột phá của đột phá”, trong đó nhấn mạnh: “Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch,...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026a, tr. 88 - 89).

Để hiện thực hóa định hướng này, bài viết đề xuất các giải pháp phát triển nền hành chính công theo tinh thần đổi mới của Đại hội XIV của Đảng dưới cách tiếp cận từ lý thuyết hành chính công hiện đại.

* TS, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

2. Lý thuyết hành chính công hiện đại

Nghiên cứu hành chính công hiện đại với nhiều dòng lý thuyết, như: quản trị giá trị công, quản trị hợp tác, quản trị trong kỷ nguyên số, quản trị thuật toán/AI... Trong kỷ nguyên của sự biến động và chuyển đổi số toàn cầu, nghiên cứu hành chính công không còn bó hẹp trong các quy tắc phân cấp truyền thống. Ở Việt Nam, có 4 lý thuyết được lựa chọn vì có mối tương quan với 4 đột phá trọng tâm trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng.

(1) *Quản trị số*. Sự chuyển dịch từ chính phủ điện tử sang quản trị số đánh dấu sự thay đổi về bản chất của quyền lực hành chính. Điều này phù hợp với nghiên cứu của Shafritz & cộng sự (2022) cho rằng: “Chính phủ là một nền tảng” - nơi nhà nước không chỉ cung cấp dịch vụ mà còn tạo ra hệ sinh thái dữ liệu để các bên cùng tham gia.

(2) *Đồng kiến tạo và hệ sinh thái giá trị công*. Bovaird & Loeffler (2023) lập luận rằng, mô hình quản lý công mới với tư duy coi người dân là “khách hàng” đã không còn đủ để giải quyết các vấn đề xã hội phức tạp mà thay vào đó là lý thuyết “quản trị công đa bên” đề cao sự “đồng sản xuất” và “đồng kiến tạo”. Trong mô hình này, giá trị công không phải là kết quả đơn phương từ phía chính quyền mà là thành quả của sự tương tác giữa nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng. Osborne (2020) gọi đây là “logic dịch vụ công”, nơi người dân đóng vai trò là những người đồng thiết kế quy trình hành chính, giúp tăng tính chính danh và hiệu quả thực thi chính sách.

(3) *Giảm thiểu “gánh nặng hành chính”*. Theo Herd & Moynihan (2018), “gánh nặng hành chính” gồm các thủ tục và giấy tờ phức tạp không chỉ làm giảm sự hài lòng của người dân mà còn cản trở việc thực thi chính sách và các quyền công dân cơ bản. Như vậy, gánh nặng này không phải sự cố kỹ thuật ngẫu nhiên mà thường là lựa chọn chính sách của nhà nước nhằm phòng ngừa rủi ro, hạn chế trách nhiệm pháp lý trong quá trình quản lý.

(4) *Quản trị trong điều kiện biến động và chính phủ linh hoạt*. Trong bối cảnh thế giới biến động VUCA, mô hình hành chính hình

tháp truyền thống cũng dần lỗi thời. Nghiên cứu của Ansell & Trondal (2018) về “quản trị trong điều kiện biến động” đã chỉ ra các tình huống phổ biến nhất và đề xuất giải pháp giúp các tổ chức công vừa duy trì sự ổn định, vừa tăng tính thích ứng. Đồng thời, lý thuyết “Chính phủ linh hoạt” (Stephens & cộng sự, 2022) đề xuất về khuôn khổ quản trị nhà nước ưu tiên tốc độ và khả năng thích ứng trong bối cảnh biến động, đưa ra các quyết định và cung cấp dịch vụ tập trung vào nhu cầu của người dùng, hoạt động theo chu trình thử nghiệm, lặp lại và cải tiến liên tục dựa trên dữ liệu thời gian thực với thiết kế tổ chức tập trung vào mạng lưới và phân quyền, bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và giá trị công cộng. Lý thuyết này đề xuất việc tái cấu trúc bộ máy quan liêu hình tháp sang các cấu trúc mạng lưới linh hoạt, ứng dụng nguyên tắc linh hoạt trong quản trị công nhằm nâng cao năng lực thực thi, trách nhiệm giải trình và tốc độ phản ứng chính sách.

3. Định hướng phát triển nền hành chính công theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng xác định tầm nhìn chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, trong đó việc hiện đại hóa nền quản trị quốc gia và cải cách hành chính đóng vai trò quan trọng. Những định hướng mới không chỉ kế thừa các thành tựu của 40 năm Đổi mới mà còn đặt ra những đột phá mang tính cách mạng cả tư duy và cấu trúc vận hành. Cụ thể:

Thứ nhất, đột phá thể chế phát triển là “đột phá của đột phá”. Đại hội XIV của Đảng tiếp tục khẳng định hoàn thiện thể chế phát triển là một trong ba đột phá chiến lược, là “đột phá của đột phá” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026a, tr. 28). Mục tiêu không chỉ dừng ở việc xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ mà còn là tạo lập một hành lang pháp lý linh hoạt, giải phóng mọi nguồn lực xã hội và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Tầm nhìn đến năm 2045, khi Việt Nam trở thành nước phát triển có thu nhập cao, yêu cầu một nền tảng thể chế hiện đại, có khả năng thích ứng cao với các biến động toàn cầu.

Thứ hai, xác lập tư duy chuyển từ mô hình quản lý hành chính sang mô hình kiến tạo phát triển, phục vụ Nhân dân, thúc đẩy quản trị quốc gia, quản trị địa phương, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đề ra, thực sự gần dân, sát cơ sở, phục vụ người dân tốt hơn; tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực, tạo dư địa cho huy động các nguồn lực để thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển đất nước; củng cố và tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026a, tr. 63).

Thứ ba, đẩy mạnh chính phủ số và quản trị quốc gia hiện đại dựa trên dữ liệu. Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh việc tập trung phát triển công nghệ chiến lược, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia toàn diện, trước hết là hoàn thiện hạ tầng số, dữ liệu số; xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu; đẩy mạnh ứng dụng, phổ cập kỹ năng số, thu hẹp khoảng cách số; tạo môi trường thử nghiệm, khuyến khích đổi mới và bảo vệ sáng tạo (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026a, tr. 31).

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Một điểm nhấn quan trọng trong tinh thần Đại hội XIV của Đảng là việc cụ thể hóa cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026a, tr. 35). Cơ chế này nhằm tháo gỡ “điểm nghẽn” về tâm lý né tránh, đùn đẩy trách nhiệm của một bộ phận cán bộ hiện nay, tạo môi trường thực thi công vụ an toàn và khuyến khích công chức tích cực đóng góp các giải pháp quản trị mới cho đất nước.

Thứ năm, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện có hiệu quả pháp luật về dân chủ cơ sở, thực chất hóa phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, chống các biểu hiện dân chủ hình thức. Định hướng của Đại hội XIV của Đảng đặc biệt đề cao vai trò chủ thể của Nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Không chỉ dừng lại ở quyền

giám sát, người dân và doanh nghiệp được khuyến khích tham gia sâu hơn vào quy trình hoạch định và thực thi chính sách. Có cơ chế phù hợp, thuận lợi và tin cậy để Nhân dân tham gia ý kiến vào quá trình hoạch định đường lối, chính sách, quyết định những vấn đề lớn và quan trọng của đất nước; nêu cao trách nhiệm tiếp thu, trách nhiệm thông tin, giải trình của các cơ quan Đảng, Nhà nước đối với những kiến nghị, đề xuất của Nhân dân (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026a, tr. 121).

4. Nỗ lực tiệm cận quản trị hiện đại và các “nút thắt” cần tháo gỡ

4.1. Nỗ lực tiệm cận lăng kính lý thuyết hành chính công hiện đại

Một là, từng bước hạ tầng hóa dữ liệu và hình thành hệ sinh thái số.

Việc triển khai quyết liệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” (Đề án 06 theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022) cùng việc xây dựng, tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) đã bước đầu tạo lập hạ tầng dữ liệu dùng chung (Bộ Nội vụ, 2025).

Hai là, tăng cường sử dụng các bộ chỉ số đo lường công khai để thúc đẩy áp lực cải cách.

Sự vận hành liên tục của các bộ chỉ số, như: Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số Sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) đã cung cấp công cụ giám sát độc lập, tạo động lực cạnh tranh thể chế giữa các địa phương. Số liệu thống kê từ Bộ Nội vụ cho thấy, sự tăng trưởng rõ rệt về điểm số PAR Index trung bình của các tỉnh, thành phố: nếu như năm 2012, điểm trung bình cả nước chỉ đạt 80,30%, đến năm 2024 đã nâng lên 88,37% (Bộ Nội vụ, 2025) và theo kết quả công bố vào tháng 5/2026, chỉ số tiếp tục duy trì đà cải thiện ổn định. Việc theo dõi chuỗi số liệu thực chứng này cho thấy, nỗ lực của chính quyền trong việc tăng cường trách nhiệm giải trình và thu hẹp khoảng cách giao

tiếp với công dân, tạo tiền đề để hướng tới mô hình quản trị công dựa trên kết quả.

Ba là, quyết liệt tái cấu trúc tổ chức bộ máy và tinh gọn biên chế.

Công tác cải cách tổ chức bộ máy giai đoạn 2021 - 2025 đạt được những kết quả mang tính đột phá thông qua việc giảm tầng nấc trung gian, vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp và tinh giản biên chế quy mô lớn (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026a, tr. 61-62). Cuộc cách mạng sắp xếp bộ máy này không chỉ giúp tiết kiệm nguồn chi thường xuyên để chuyển sang chi đầu tư phát triển và an sinh xã hội mà còn rút ngắn quy trình xử lý công việc ở cấp cơ sở, từng bước dịch chuyển từ tư duy “quản lý hành chính” thuần túy sang “kiến tạo phát triển và phục vụ Nhân dân”, thúc đẩy quản trị quốc gia, quản trị địa phương, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đề ra, thực sự gần dân, sát cơ sở, phục vụ người dân tốt hơn; tháo gỡ “điểm nghẽn”, khơi thông nguồn lực, tạo dư địa cho huy động các nguồn lực để thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển đất nước; củng cố và tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026b, tr. 214).

4.2. Nhận diện các “nút thắt” của nền hành chính công

Mặc dù có nhiều nỗ lực nhưng khi soi chiếu dưới lăng kính của các học thuyết hành chính công hiện đại, có thể thấy, vẫn còn bộc lộ những khoảng cách nhất định với 4 “nút thắt” chính.

Thứ nhất, hiện tượng “quan liêu sô” và gánh nặng hành chính. Việc thực thi chuyển đổi số hành chính chưa cắt giảm triệt để các dạng gánh nặng hành chính cho công dân và doanh nghiệp. Mặc dù hệ thống hạ tầng số đã được đầu tư, dữ liệu thực chứng cho thấy, tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý toàn trình và tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu số hóa giữa các cơ quan nhà nước vẫn còn ở mức thấp (Bộ Nội vụ, 2025). Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nêu rõ: “Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026b, tr. 191).

Thứ hai, “đồng kiến tạo” còn mang tính hình thức. Đại hội XIV của Đảng chỉ rõ: “Giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên còn vướng mắc cả về phương diện pháp lý cũng như phương thức tổ chức thực hiện” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026b, tr. 236) và “Chưa phát huy tối đa vai trò của Nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026b, tr. 172). “Quyền làm chủ của Nhân dân chưa được thể chế hóa đầy đủ, có lúc, có nơi còn bị vi phạm” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026b, tr. 370). Thực hành dân chủ ở cơ sở còn hình thức, quyền làm chủ của Nhân dân chưa hoàn toàn được tôn trọng và phát huy, trong một số lĩnh vực còn bị vi phạm” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026b, tr. 182 - 183).

Thứ ba, tâm lý e ngại rủi ro, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. “Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cấp cao thiếu tu dưỡng, rèn luyện, không gương mẫu, có biểu hiện đùn đẩy, né tránh, không dám làm, không dám đổi mới sáng tạo, phai nhạt lý tưởng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026b, tr. 166 - 167).

Thứ tư, thể chế chưa đủ linh hoạt cho các mô hình quản trị mới. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng đánh giá: “Hệ thống pháp luật còn một số quy định chưa thống nhất, chưa đồng bộ, chồng chéo, chất lượng pháp luật chưa cao, trên một số lĩnh vực còn thiếu tính ổn định, tính dự báo chưa cao, sửa đổi nhiều... thậm chí còn sơ hở, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của thực tiễn. Tổ chức thực hiện pháp luật vẫn còn một số hạn chế chưa được khắc phục” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026b, tr. 227), “Việc thực hiện phân công, làm rõ thẩm quyền, nghĩa vụ giữa các cơ quan nhà nước vẫn còn những điểm chưa rành mạch” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026b, tr. 227), “Tổ chức bộ máy nhà nước, hệ thống pháp luật còn nhiều bất cập” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026b, tr. 235).

5. Một số giải pháp

Một là, tái thiết kế quy trình hành chính dựa trên việc tháo gỡ khoảng trống thực thi cơ chế “dịch vụ công không yêu cầu” và giảm gánh nặng hành chính.

(1) Tái thiết kế quy trình dịch vụ công dựa trên tư duy thiết kế lấy trải nghiệm người dùng làm trung tâm. Để tạo bước đột phá thực chất, nền hành chính công cần chuyển đổi mạnh mẽ từ tư duy “số hóa thủ tục” sang áp dụng tư duy thiết kế lấy trải nghiệm người dùng làm trung tâm. Việc tái thiết kế quy trình bắt buộc phải đi từ khâu rà soát, cắt bỏ triệt để các bước trung gian không cần thiết, tái cấu trúc biểu mẫu theo hướng tự động tích hợp thông tin điền sẵn từ Cơ sở dữ liệu quốc gia. Đồng thời, cần lồng ghép thông qua hệ thống cảnh báo và nhắc nhở tự động thời gian thực khi quyền lợi hoặc nghĩa vụ hành chính của công dân đến hạn, qua đó, triệt tiêu chi phí học hỏi và chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp.

(2) Thể chế hóa và tháo gỡ khoảng trống pháp lý cho cơ chế “dịch vụ công không yêu cầu”. Cơ chế này là mô hình quản trị hiện đại, trong đó cơ quan nhà nước chuyển từ trạng thái thụ động “chờ công dân nộp đơn” sang trạng thái “chính quyền chủ động tự động kích hoạt, xác nhận và chi trả/cung cấp dịch vụ công cho đối tượng thụ hưởng dựa trên các sự kiện đời sống và dữ liệu định danh được kết nối liên thông thời gian thực. Khoảng trống chính sách trọng tâm hiện nay khiến mô hình này chưa thể bứt phá là hệ thống pháp luật chưa công nhận giá trị pháp lý của “các quyết định hành chính tự động do hệ thống/thuật toán kích hoạt”, cũng như chưa có quy định về cơ chế phân định trách nhiệm pháp lý giữa cơ quan quản lý và đơn vị vận hành khi hệ thống dữ liệu phát sinh sai sót kỹ thuật.

(3) Nhằm triển khai hiệu quả *Luật Chuyển đổi số* năm 2025 và các quy định mới về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, giải pháp cấp thiết cần ban hành Khung pháp lý công nhận tính chính danh của các giao dịch và quyết định hành chính tự động. Song song đó, cần thiết lập chế tài nghiêm

khắc để xử lý trách nhiệm người đứng đầu nếu để xảy ra tình trạng “cát cứ dữ liệu” hoặc tiếp tục yêu cầu người dân xuất trình lại các giấy tờ, thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Hai là, thực chất hóa sự “đồng kiến tạo” trong chu trình chính sách.

(1) Phát triển nền tảng dữ liệu mở. Công khai các dữ liệu hành chính không nhạy cảm để cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức xã hội tham gia nghiên cứu, đề xuất và cùng thực hiện các giải pháp quản trị. Đây là cách để huy động tối đa trí tuệ xã hội vào quá trình “đồng sản xuất” các giá trị công.

(2) Xây dựng các cơ chế tham vấn số thực chất, cho phép người dân tham gia vào chu kỳ chính sách ngay từ khâu thiết kế, chuyển đổi vị thế của người dân từ “đối tượng quản lý” sang “đối tác đồng kiến tạo”, phù hợp với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Thay vì chỉ lấy ý kiến khi dự thảo đã hoàn thành, cần lồng ghép sự tham gia của người dân ngay từ khâu nhận diện vấn đề và thiết kế giải pháp ban đầu, bảo đảm chính sách bám sát hơi thở thực tiễn.

Ba là, kiến tạo môi trường “an toàn tâm lý” trong thực thi công vụ.

Việc giải quyết bài toán sợ sai không thể dựa vào các “tiêu chí định lượng” đơn thuần vì bản chất hành vi công vụ chịu sự điều chỉnh của nhiều hệ thống pháp luật kỷ luật, hành chính, dân sự và hình sự. Do đó, để bảo vệ cán bộ “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung” theo Báo cáo Chính trị Đại hội XIV của Đảng, cần thực hiện:

(1) Thành lập Hội đồng Thẩm định rủi ro đối mới sáng tạo tiền kiểm đối với các đề xuất thử nghiệm chính sách mới.

(2) Cần quy định rõ nếu đề xuất được Hội đồng phê duyệt mục tiêu là vì lợi ích chung và được thực hiện đúng quy trình kiểm soát rủi ro, cán bộ thực hiện sẽ được cấp “vùng an toàn pháp lý” và được miễn trừ trách nhiệm kỷ luật/hành chính nếu dự án gặp thất bại do nguyên nhân khách quan.

Bốn là, thể chế hóa cơ chế thử nghiệm chính sách để thúc đẩy quản trị thích ứng.

Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 và Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 đã tạo cơ chế thí điểm đặc biệt trong khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Tuy nhiên, khoảng trống thực thi hiện nay là chưa có quy trình hướng dẫn cơ chế thử nghiệm riêng cho lĩnh vực quản trị hành chính công. Do đó, cần:

(1) Xây dựng khung pháp lý thử nghiệm cho phép thí điểm các mô hình quản trị mới. Cho phép các địa phương được phép thí điểm các công nghệ quản trị mới hoặc các mô hình kinh tế số chưa có tiền lệ pháp lý. Theo đó, giúp hệ thống hành chính công có khả năng “thử nghiệm nhanh, học tập nhanh”, tiệm cận với mô hình chính phủ linh hoạt của thế giới, giúp chuyển hóa tư duy từ quản lý dựa trên sự tuân thủ sang quản trị thích ứng.

(2) Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp gắn với năng lực thực thi. Giải quyết tình trạng lúng túng tại cơ sở sau khi sáp nhập bằng cách cung cấp các bộ công cụ hướng dẫn linh hoạt, giúp các đơn vị hành chính nhanh chóng ổn định và phát huy hiệu quả phục vụ Nhân dân.

6. Kết luận

Giải pháp phát triển nền hành chính công theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng không chỉ là một yêu cầu tự thân của quá trình cải cách mà còn là điều kiện quan trọng để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới. Thông qua việc tiếp cận từ các lăng kính lý thuyết hành chính công hiện đại không chỉ giúp Việt Nam bắt nhịp với dòng chảy tri thức quản trị đương đại của thế giới mà còn cung cấp những phương pháp luận khoa học để cụ thể hóa các đột phá chiến lược về thể chế của Đảng, đổi mới về tư duy công vụ, tạo ra một hành lang pháp lý đủ linh hoạt để bảo vệ, thúc đẩy những giá trị sáng tạo, thực hiện thành công công cuộc cải cách hành chính, góp phần phát triển bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới □

Tài liệu tham khảo:

Ansell, C., & Trondal, J. (2018). *Governing Turbulence: An Organizational - Institutional*

Agenda. Perspectives on Public Management and Governance, Volume 1, Issue 1, March 2018, Pages 43-57, <https://doi.org/10.1093/ppmgov/gvx013>

Bộ Nội vụ (2025). *Báo cáo số 12662/BC-BNV ngày 26/12/2025 về tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2025*.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ (2026a). *Quyết định số 429/QĐ-BNV ngày 14/4/2026 phê duyệt công bố Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2025*.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ (2026b). *Quyết định số 430/QĐ-BNV ngày 14/4/2026 phê duyệt và công bố chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) năm 2025 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*.

Bovaird, T., & Loeffler, E. (Eds.) (2023). *Public Management and Governance (4th ed.)*. Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781003282839>

Đảng Cộng sản Việt Nam (2026a). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2026b). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập II)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Edmondson, A. (1999). *Psychological safety and learning behavior in work teams*. *Administrative Science Quarterly*, 44(2), 350-383. <https://psycnet.apa.org/doi/10.2307/2666999>

Herd, P., & Moynihan, D. P. (2018). *Administrative Burden: Policymaking by Other Means*. Russell Sage Foundation. <https://doi.org/10.7758/9781610448789>

Osborne, S. (2020). *Public Service Logic: Creating Value for Public Service Users, Citizens, and Society Through Public Service Delivery (1st ed.)*. Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781003009153>

Shafritz, J. M., Russell, E. W, Borick, C. P, & Hyde, A. C. (2022). *Introducing Public Administration (10th ed.)*. Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781003191322>

Stephens, M., Awamleh, R., & Salem, F. (Eds.) (2022). *Agile Government: Emerging Perspectives in Public Management*. World Scientific Publishing Company, ISBN 9811239711, 9789811239717.

Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 về việc phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”*.